

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP

Ngày 30/06/2025	164,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0.4%	-	39.8%

DT thuần Q2/25
3,922
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 860 28.1%
YoY: ▲ 489 14.2%

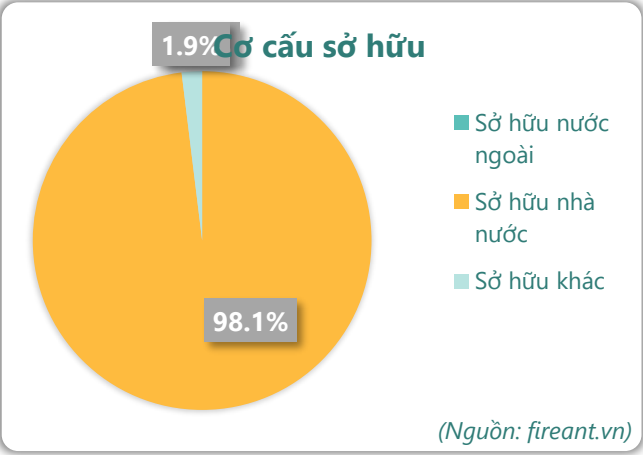
LN thuần Q2/25
594
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 188 46.3%
YoY: ▼53.0 -8.2%

LN sau thuế Q2/25
459
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 145 46.3%
YoY: ▼13.0 -2.6%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
16.2%
YoY: +/-▲ 1.2%

ROE (TTM) Q2/25
39.8%
YoY: +/-▼ 0.9%

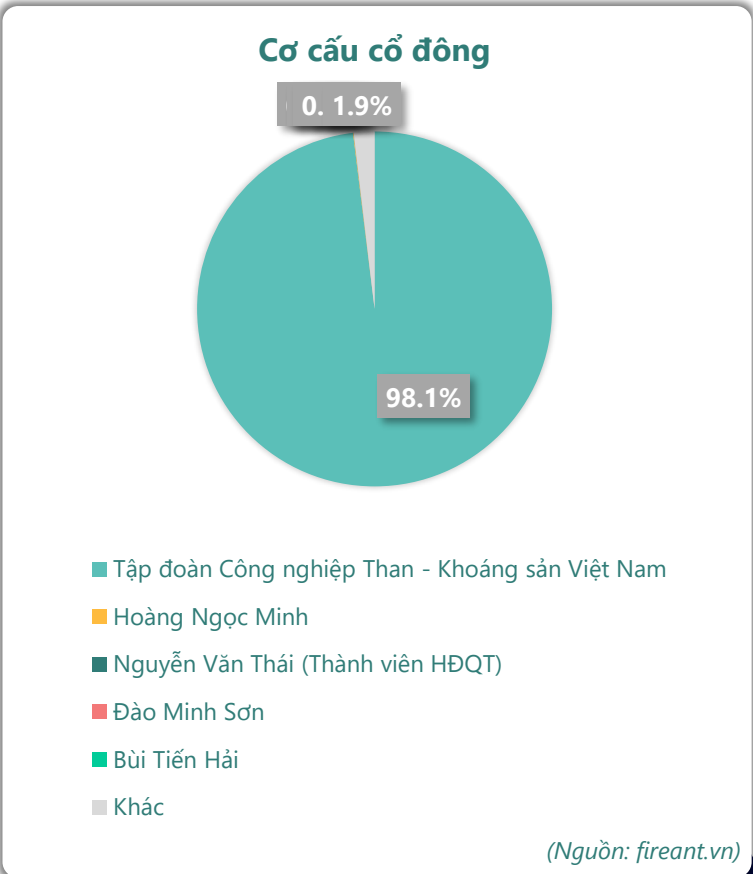
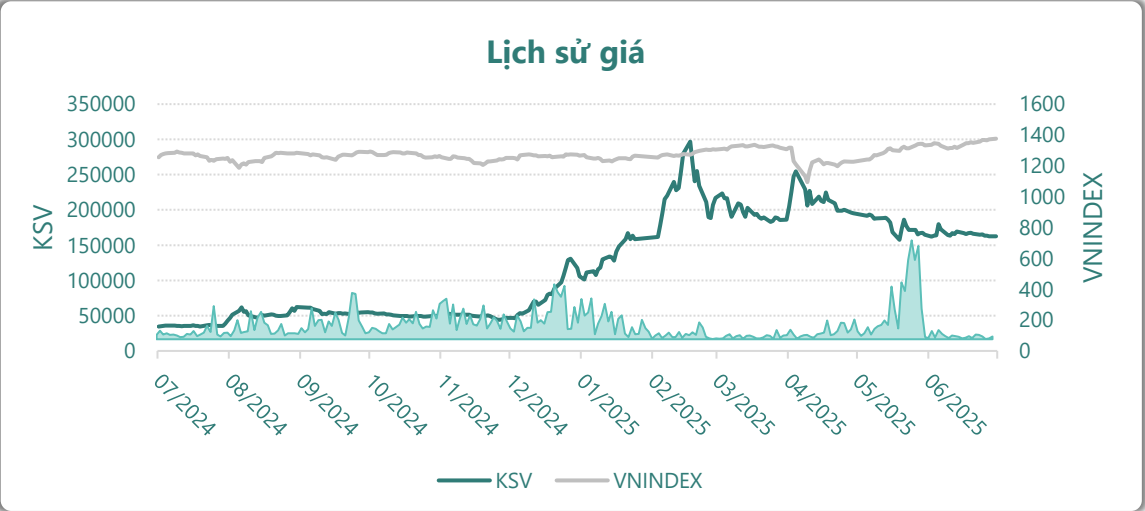
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	34,325 - 296,794
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32,840
Số lượng CPLH (CP)	200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	28,395
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.52
EPS	7,595
P/E	21.6



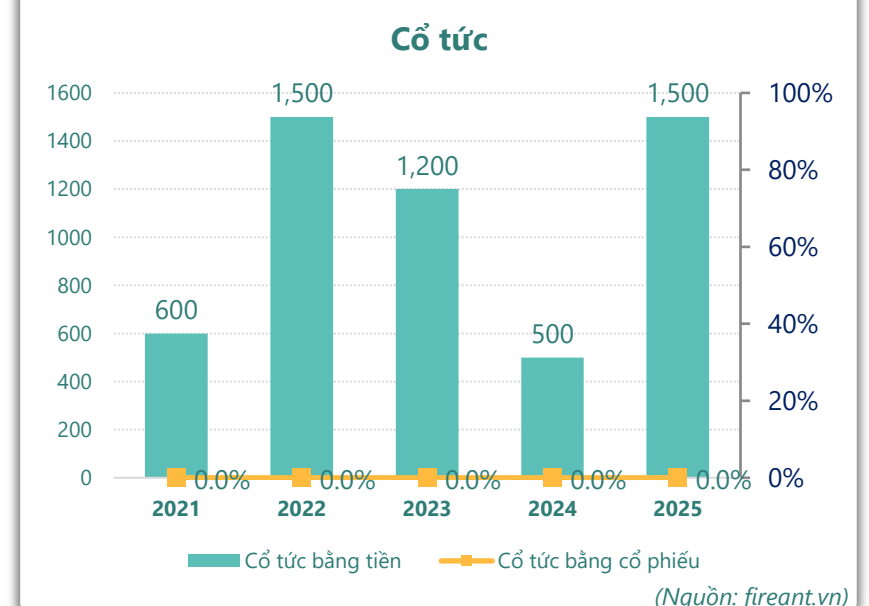
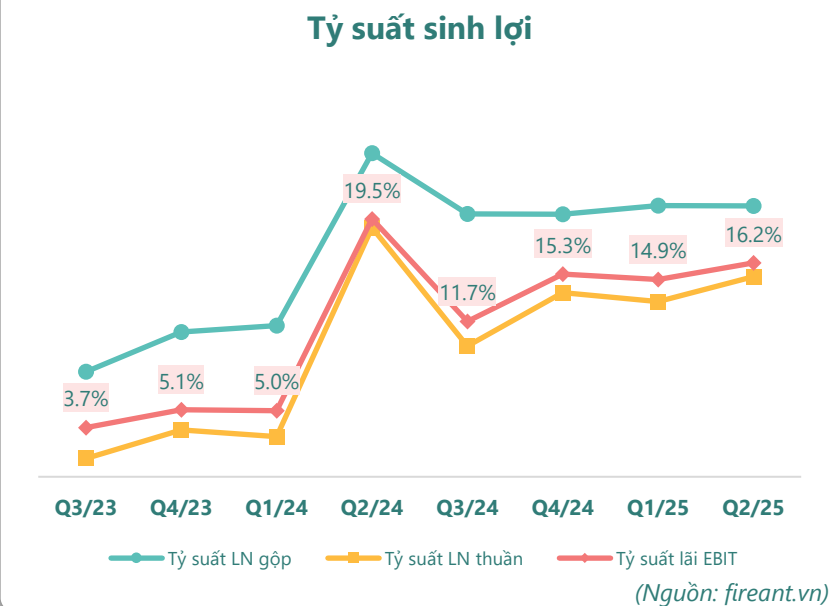
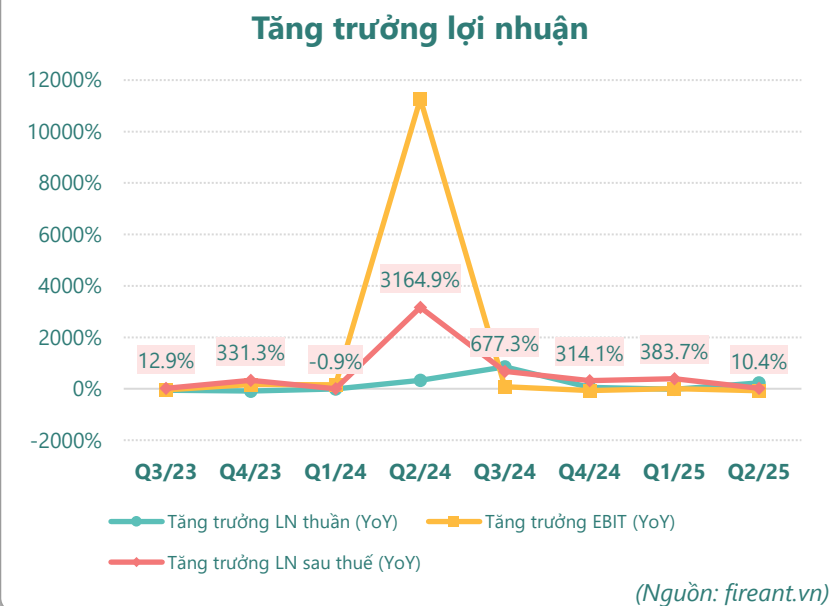
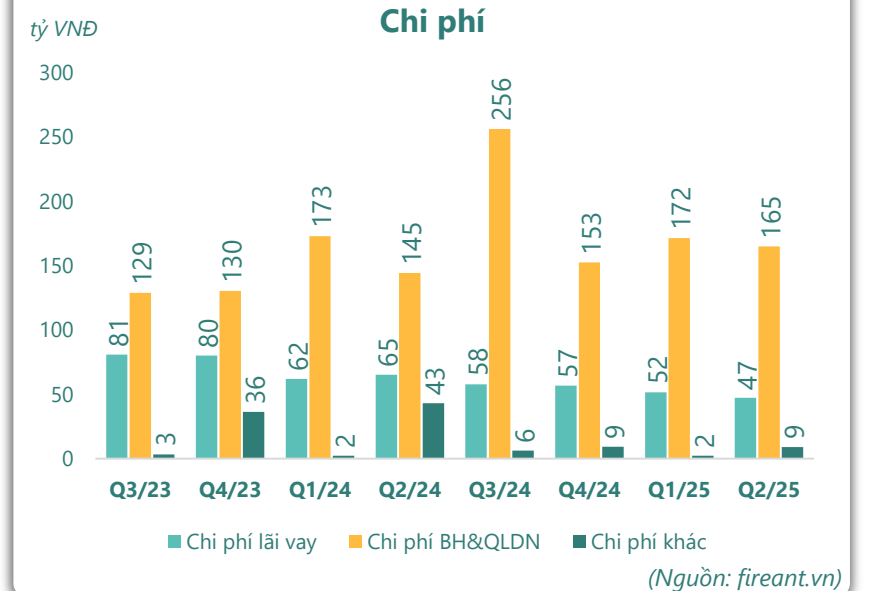
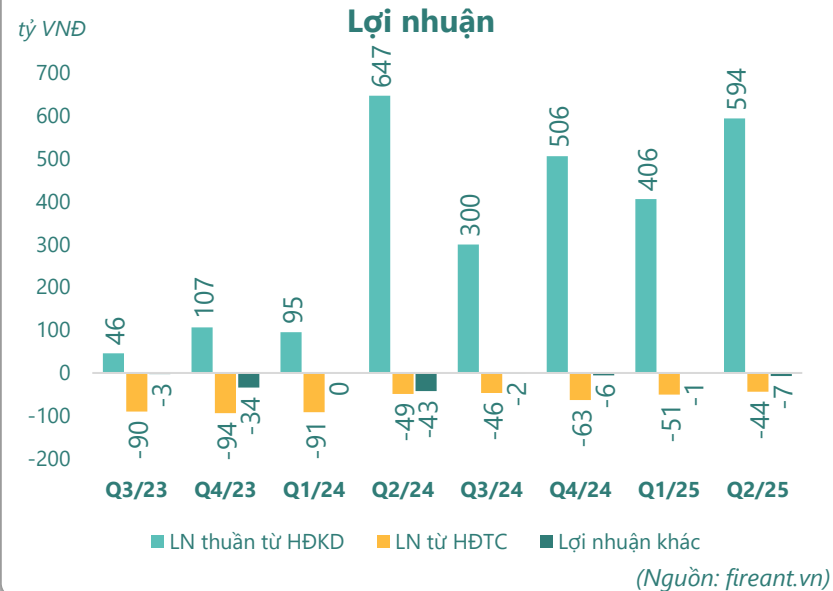
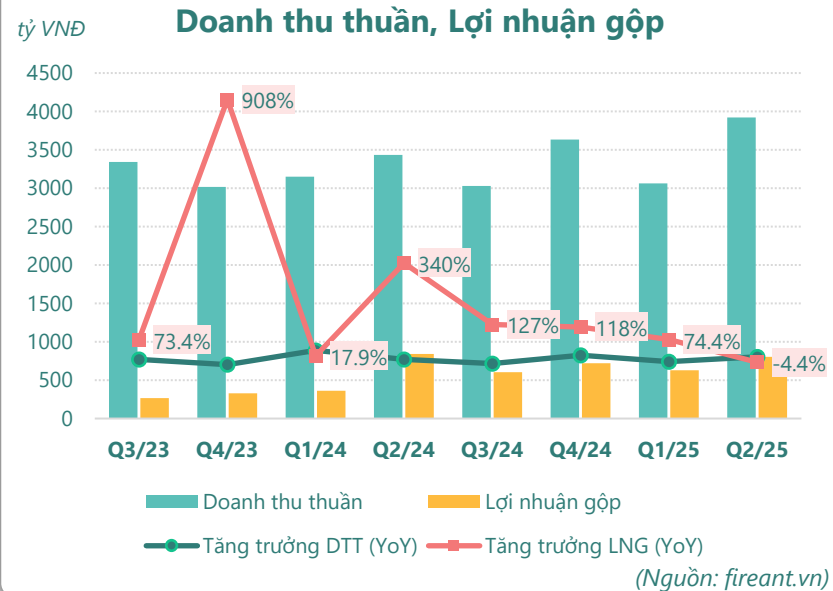
DT thuần 6T 2025
6,983
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 399 6.1%

LN thuần 6T 2025
1,000
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 258 34.7%

LN sau thuế 6T 2025
774
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 225 41.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH

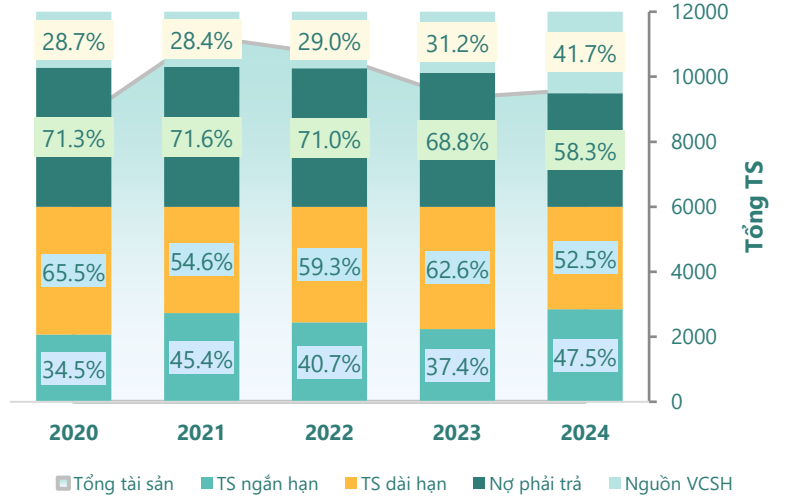


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

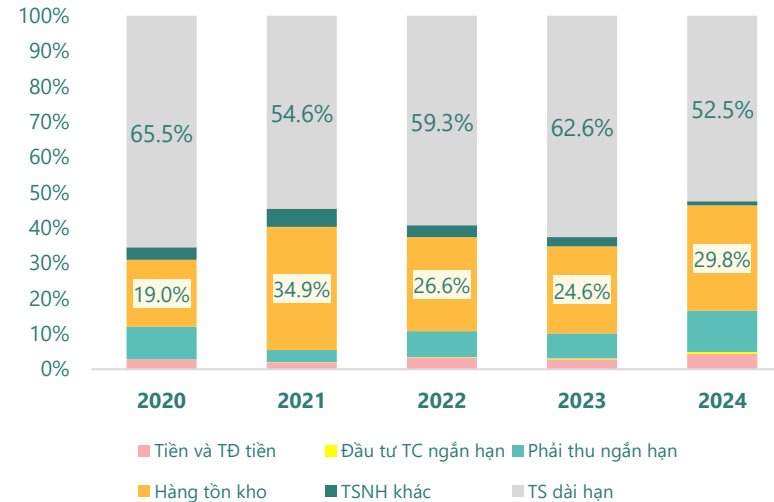
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

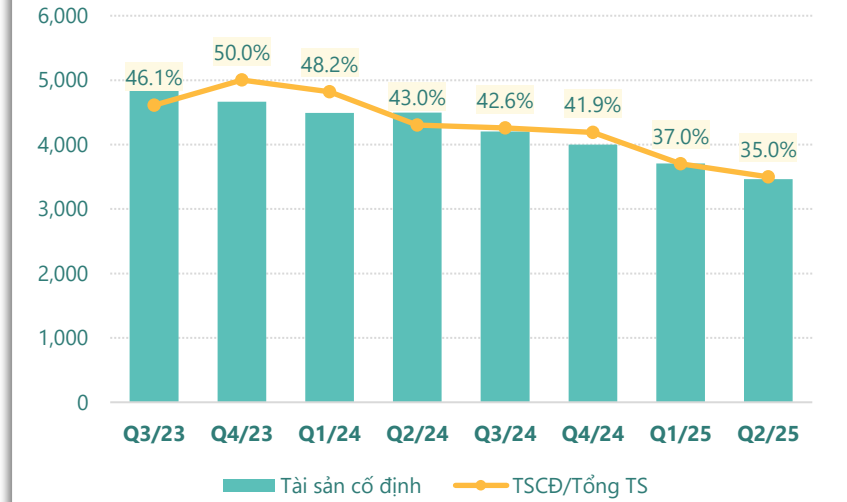
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

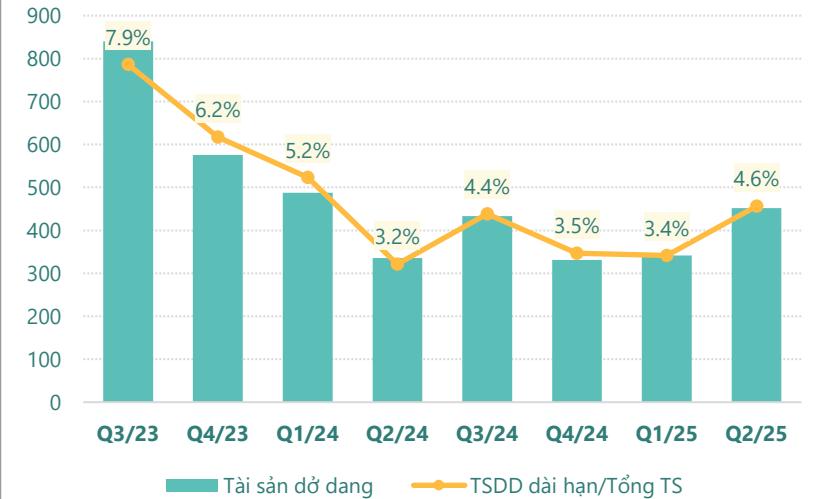
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

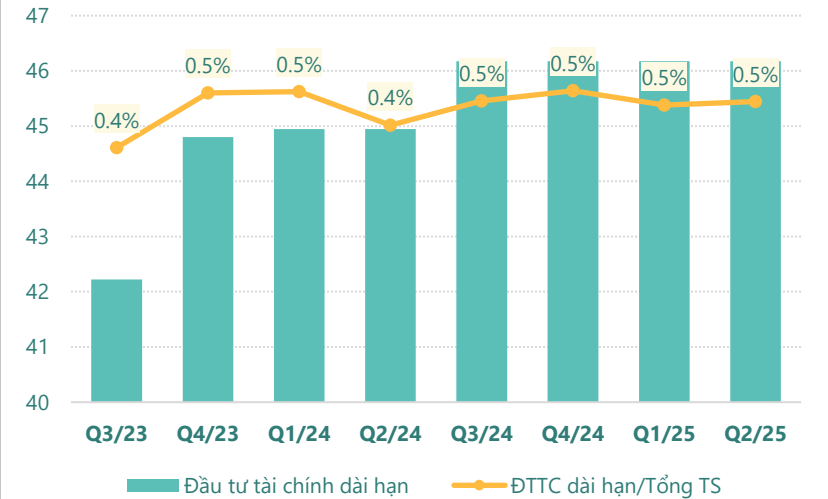
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

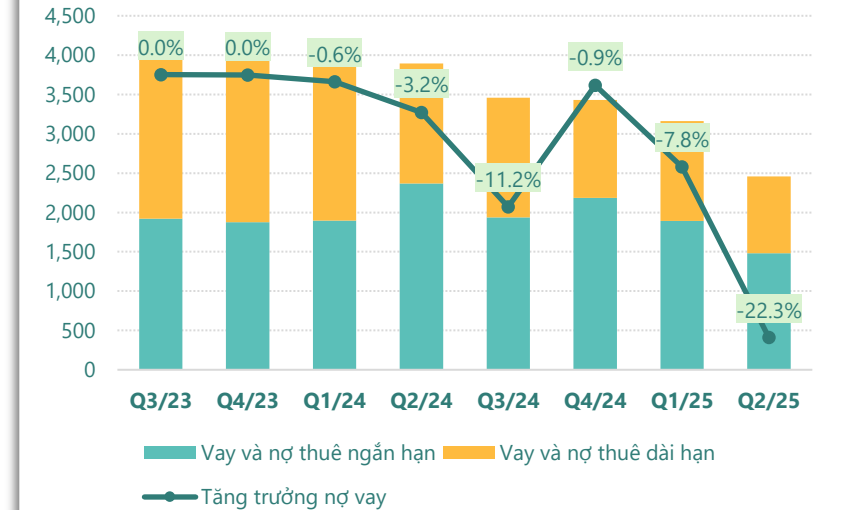
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

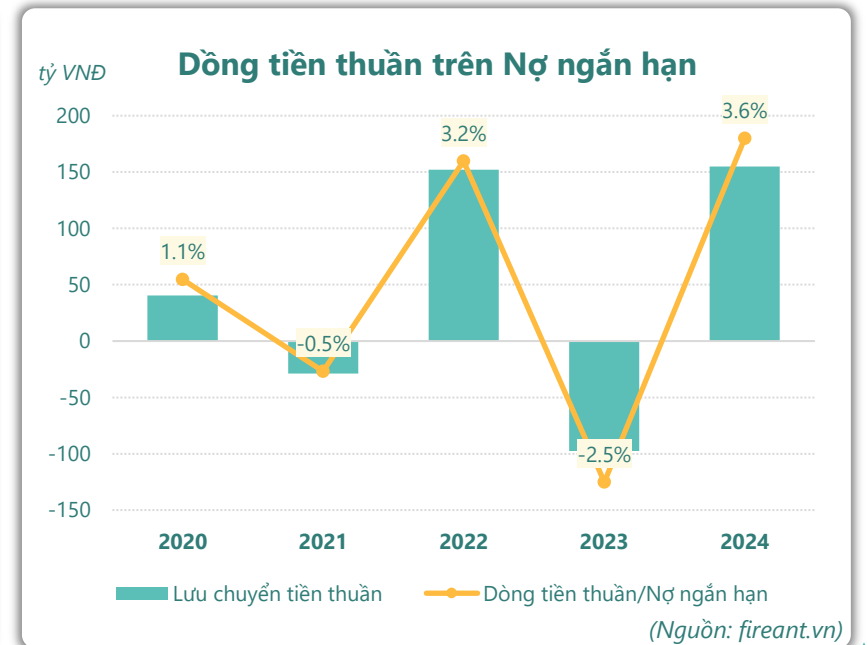
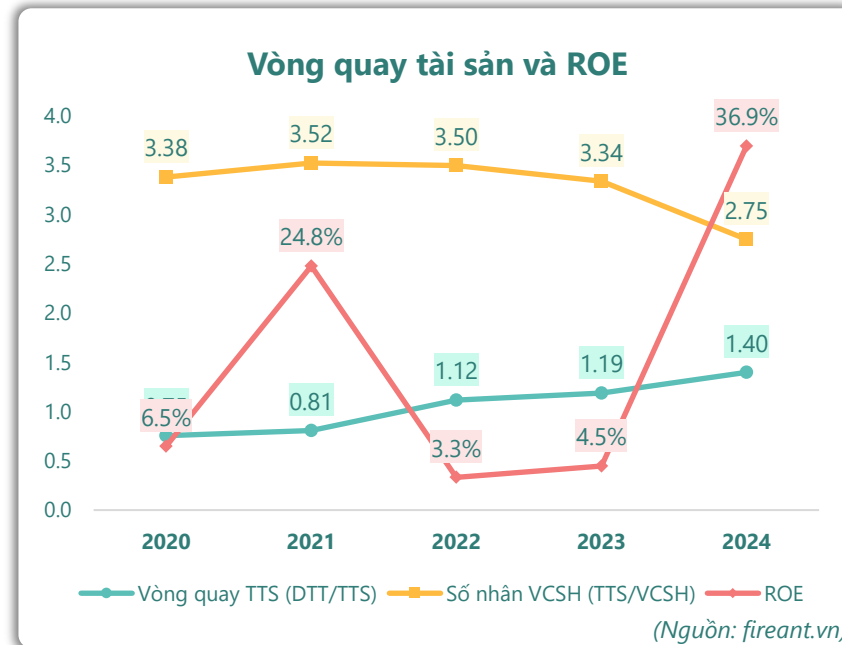
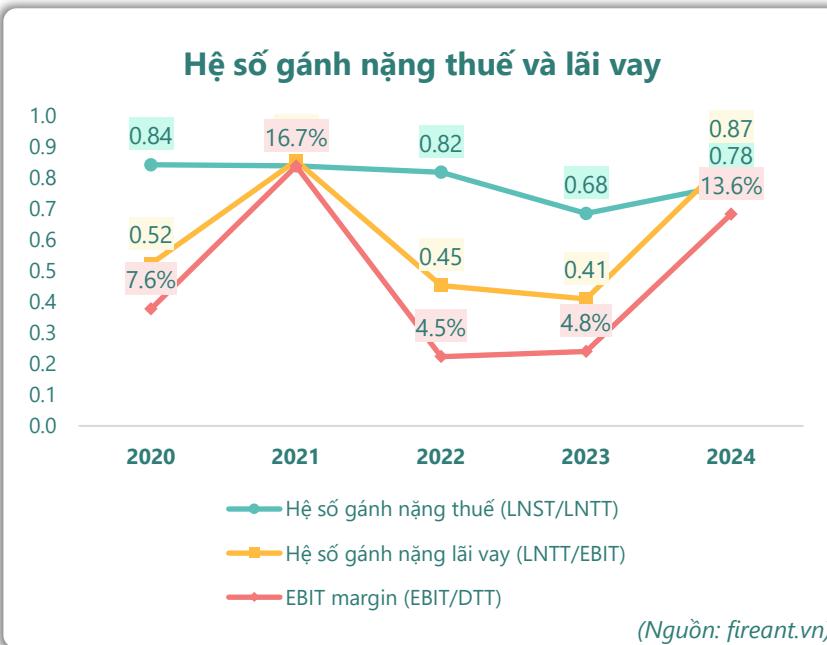
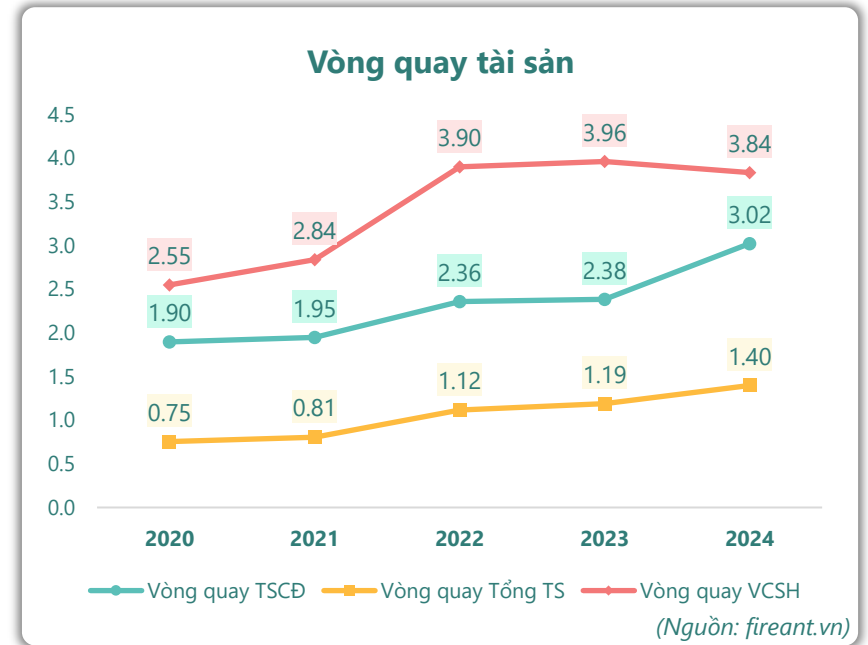
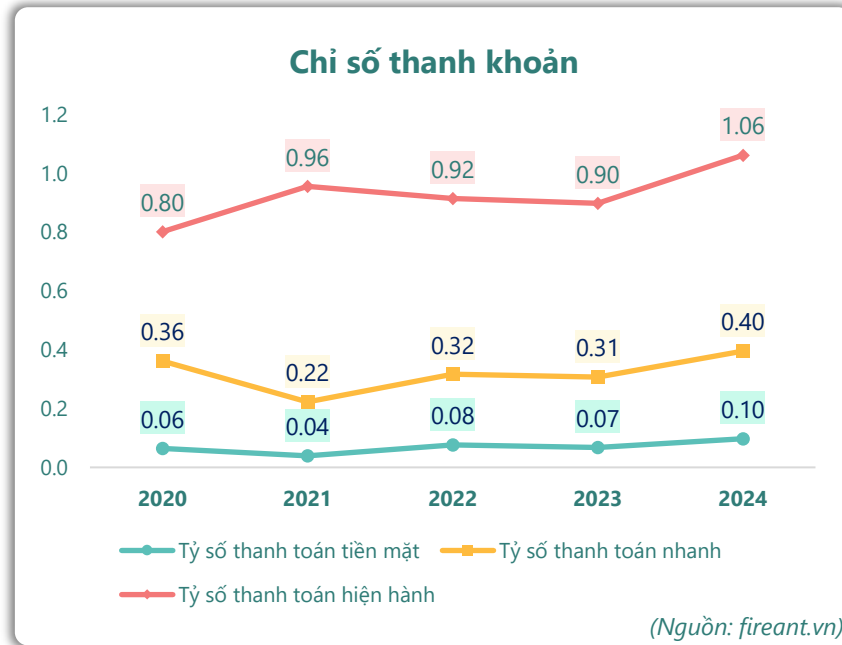
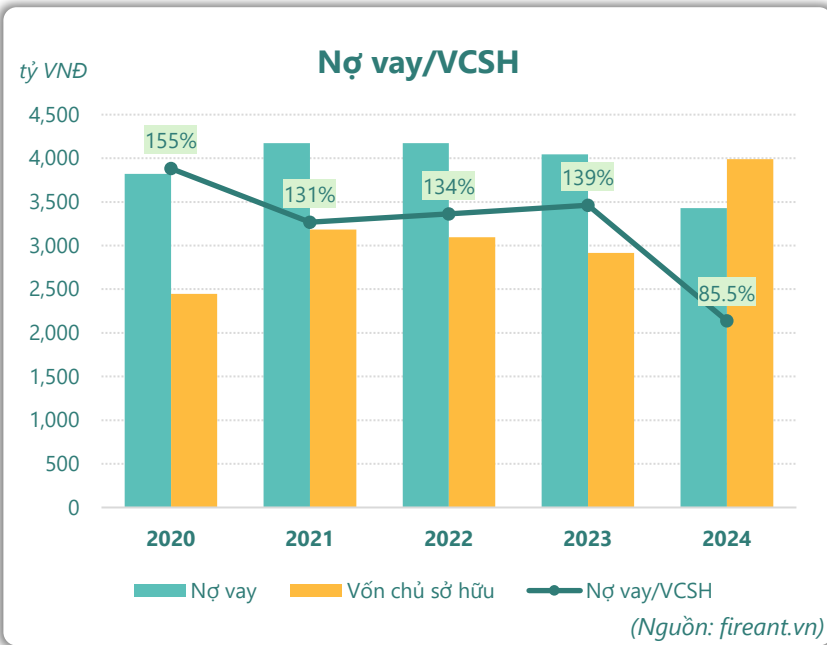
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	3,922	3,433	14.2%	6,983	6,584	6.1%
Giá vốn hàng bán	3,119	2,593	20.3%	5,552	5,383	3.1%
Lợi nhuận gộp	803	840	-4.4%	1,431	1,200	19.2%
Doanh thu HĐTC	9.34	0.68	1274%	10.5	2.14	390%
Chi phí TC	53.4	49.4	8.1%	105	142	-26.1%
Chi phí lãi vay	47.5	65.3	-27.3%	99.1	127	-22.3%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	37.3	22.3	67.3%	67.1	42.7	57.0%
Chi phí QLDN	128	122	4.7%	270	275	-2.0%
LN thuần từ HĐKD	594	647	-8.2%	1,000	742	34.7%
Lợi nhuận khác	-7.32	-42.6	82.8%	-7.88	-42.9	81.6%
LN trước thuế	587	604	-2.9%	992	699	41.8%
Lợi nhuận sau thuế	459	472	-2.6%	774	549	41.0%
LNST của CĐ cty mẹ	511	479	6.6%	841	551	52.6%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	114	265	543	131	275	964
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-17.0	-31.8	-111	-120	-25.4	-50.9
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-36.8	-183	-402	-6.84	-268	-710
Tiền đầu kỳ	265	325	375	406	419	401
Lưu chuyển tiền thuần	60.3	50.4	30.5	3.67	-18.3	203
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0.00
Tiền cuối kỳ	325	375	406	410	401	604

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	9,896	9,614	2.9%
Tài sản ngắn hạn	5,292	4,570	15.8%
Tiền và tương đương tiền	604	419	44.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	35.0	47.1	-25.7%
Phải thu ngắn hạn	1,326	1,124	18.0%
Hàng tồn kho	3,280	2,868	14.4%
Tài sản ngắn hạn khác	47.6	112	-57.5%
Tài sản dài hạn	4,604	5,044	-8.7%
Phải thu dài hạn	138	120	14.7%
Tài sản cố định	3,462	4,001	-13.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	451	332	35.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	46.2	46.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	506	544	-7.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,535	5,603	-1.2%
Nợ ngắn hạn	4,496	4,303	4.5%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,480	2,186	-32.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	934	1,096	-14.8%
Nợ dài hạn	1,039	1,300	-20.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	977	1,244	-21.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,361	4,011	8.7%
Vốn chủ sở hữu	4,343	3,992	8.8%
Vốn điều lệ	2,000	2,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	18.1	18.8	-4.1%

(Nguồn: fireant.vn)

